

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----

Bản án số: 327/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thuỷ Tiên

2. Ông Phạm Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N; sinh năm 1957

HKTT: Số A Tổ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần N1; sinh năm 1952

HKTT và hiện ở: Số A Tổ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Trần N1 tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/1980 tại UBND quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, bà N và ông N1 sống cùng nhau tại mảnh đất do nhà nước phân, nay là số A Tổ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông N1 thường xuyên có lời lẽ xúc phạm và có nhiều hành vi bạo lực đối với bà N. Vì thương con nên bà N cố gắng chịu đựng suốt một thời gian dài. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên giải, hàn gắn cho

hai ông bà nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 không cải thiện. Từ năm 2022, bà N đã ra ngoài thuê nhà ở sống và hai ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Tháng 4/2024, bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, do nghĩ còn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã đồng ý rút đơn khởi kiện ly hôn và Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 170/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19/4/2024. Nay bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N1, bản thân bà N sức khỏe suy giảm vì suy nghĩ nhiều. Vì vậy, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông N1 để bà ổn định sức khỏe, tinh thần.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng bà N có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Y sinh năm 1981, Nguyễn Trần D sinh năm 1987. Các con chung của bà N và ông N1 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, nhà ở chung: Bà N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông N1 không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn Trần N1 quá trình giải quyết vụ án trình bày: Xác nhận việc kết hôn giữa ông và bà Trần Thị N.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên giải, hàn gắn cho hai ông bà nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa ông bà không cải thiện, nhưng việc ly hôn là không cần thiết. Từ năm 2022, bà N tự ý bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng và ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Ngoài ra ông còn có ý kiến: “Nếu bà N tự nguyện về ở cùng gia đình thì ông vẫn đồng ý và mong bà N bỏ mọi mâu thuẫn giữa hai người, đừng có chấp gây mất đoàn kết gia đình, con cái”.

Về con chung: Ông xác nhận quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Y sinh năm 1981, Nguyễn Trần D sinh năm 1987. Các con chung của bà N và ông N1 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Về tài sản, nhà ở chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà N không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 16/7/2024, khi được giao văn bản tố tụng là Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, ông có ý kiến đề nghị Toà án hoà giải cho gia đình ông đoàn tụ.

Ông Nguyễn Trần N1 không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông N1; Về con chung: 02 con chung của ông bà đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Toà án

giải quyết. Về công nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bà [N](#) không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, bà [Trần Thị N](#) đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông [Nguyễn Trần N1](#). Ông [N1](#) có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại: [Số A Tổ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội](#), nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà [Trần Thị N](#) đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông [Nguyễn Trần N1](#) đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, ông [N1](#) đã có ý kiến trình bày cụ thể trong biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông [N1](#).

3. Về nội dung vụ án:

3.1 Về yêu cầu ly hôn: Bà [Trần Thị N](#) và ông [Nguyễn Trần N1](#) đăng ký kết hôn ngày 09/10/1980 tại [UBND quận B](#), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ năm 2022 đến nay ông bà đã sống ly thân, bà [N](#) bỏ ra ngoài sống. Tháng 4/2024, bà [N](#) đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, do nghĩ còn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã đồng ý rút đơn khởi kiện ly hôn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 170/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19/4/2024. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn của bà [N](#), ông [N1](#) vẫn không cải thiện. Theo Biên bản xác minh tại địa phương xác định: “...*Quá trình chung sống, bà [N](#) và ông [N1](#) có xảy ra mâu thuẫn cãi vã và đã được Tổ dân phố sang hoà giải. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ năm 2022 chúng tôi không thấy bà [N](#) còn chung sống với ông [N1](#) tại [số A Tổ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội](#) nữa*”.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Bà [N](#) và ông [N1](#) đã sống ly thân, không đạt được mục đích hôn nhân là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, ông [N1](#) mong muốn đoàn tụ nhưng lại không có giải pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn. Bà [N](#) kiên quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà [N](#), ông [N1](#) đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà [Trần Thị N](#) đối với ông

[Nguyễn Trần Nghĩa 1](#) phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Ông bà đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là chị [Nguyễn Thị Thu Y](#) sinh năm 1981 và anh [Nguyễn Trần D](#) sinh năm 1987. Các con chung của bà [N](#) và ông [N1](#) đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.3 Về tài sản, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3.4 Về án phí: Bà [N](#) là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

3.5 Về quyền kháng cáo: Bà [N](#) và ông [N1](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà [Trần Thị N](#). Bà [Trần Thị N](#) được ly hôn ông [Nguyễn Trần N1](#).

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là chị [Nguyễn Thị Thu Y](#) sinh năm 1981 và anh [Nguyễn Trần D](#) sinh năm 1987. Các con chung của bà [N](#) và ông [N1](#) đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Bà [Trần Thị N](#) không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà [Trần Thị N](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông [Nguyễn Trần N1](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA quận Thanh Xuân;
- UBND quận Ba Đình (Giấy CNKH số 1046 ngày 09/10/1980);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương